

**HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH CÁ CẢNH
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
**THE STATUS OF REPRODUCTION AND BUSINESS OF ORNAMENTAL FISH
IN HO CHI MINH CITY**

Nguyễn Phúc Thương^(1*), Nguyễn Thị Thanh Trúc⁽¹⁾, Phạm Thị Mỹ Nga

⁽¹⁾ Khoa Thủy Sản, trường Đại Học Nông Lâm TPHCM.

^(*) Email: phucthuongts25@yahoo.com; lekima212@yahoo.com

ABSTRACT

Research of “The status of Reproduction and Business of ornamental fish in Ho Chi Minh City” was studied in some districts of Ho Chi Minh City from March, 15th to July, 15th 2011. There were 30 breeding farms and 40 stores that were carried out a survey. The result is as follow:

- 30 species of freshwater ornamental fish were bred in the farm. 22 species of marine ornamental fish and 52 species of freshwater ornamental fish were sold in the stores.
- The products of breeding farms consumed mainly in Ho Chi Minh City and some provinces near by Ho Chi Minh City. Source ornamental fish was provided to the store by the farm in Ho Chi Minh City, Nha Trang City, Vung Tau City, Phu Quoc Island...
- The profit of the breeding farms and the stores dramatically decreased comparing to the past.

TÓM TẮT

Nghiên cứu “Hiện trạng sản xuất và kinh doanh cá cảnh ở thành phố Hồ Chí Minh” được thực hiện từ ngày 15/3/2011 đến ngày 15/7/2011, tại các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Qua quá trình khảo sát thực tế tại 30 cơ sở xuất cá cảnh và 40 cửa hàng kinh doanh, một số kết quả thu được như sau:

- Có 30 loài cá cảnh nước ngọt được sản xuất tại các cơ sở, 22 loài cá cảnh biển và 53 loài cá cảnh nước ngọt được bán tại các cửa hàng.
- Các cơ sở sản xuất phần lớn tiêu thụ cá cảnh trong thành phố và một số tỉnh lân cận. Riêng nguồn hàng ở các cửa hàng kinh doanh được lấy từ các cơ sở sản xuất trong thành phố, cá cảnh biển lấy từ Nha Trang, Vũng Tàu, Phú Quốc, ...
- Lợi nhuận tại các cơ sở sản xuất và cửa hàng kinh doanh giảm so với những năm trước.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sản xuất và kinh doanh cá cảnh là ngành kinh tế mũi nhọn và có nhiều triển vọng trong lĩnh vực thủy sản ở Việt Nam nói chung và ở thành phố HCM nói riêng, từng bước trở thành một ngành kinh tế mang lại giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng năm đáng kể góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh. Theo số liệu thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TPHCM năm 2010 lượng cá cảnh xuất khẩu là 6,7 triệu con, đạt kim ngạch trên 7 triệu USD.

Nghề sản xuất và kinh doanh cá cảnh đang phát triển dưới tiềm năng cho phép. Sự phát triển này chỉ mang tính tự phát, chưa có tính đồng bộ, chưa có những công trình nghiên cứu chuyên sâu và đầu tư thích đáng nên chưa tạo được thương hiệu trên thị trường thế giới. Rất nhiều những khảo sát những đề tài nghiên cứu về tình hình kinh doanh, và sản xuất cá cảnh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện trong những năm gần đây phần nào đánh giá được tình hình phát triển cá cảnh ở thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, thực tế phát

triển cá cảnh ở thành phố Hồ Chí Minh trong những năm gần đây thay đổi rất nhiều với việc áp dụng tiến bộ khoa học trong lai tạo giống, thuần hóa và sản xuất những giống mới... Do đó, nghiên cứu nhằm đánh giá, cập nhật thông tin mới nhất về hiện trạng sản xuất và kinh doanh cá cảnh tại TPHCM.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số liệu thứ cấp bao gồm: số liệu đã được công bố của Sở Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Tp.HCM; Chi Cục Quản Lí và Bảo Vệ Nguồn Lợi Thủy Sản Thành Phố; Viện Nghiên Cứu Nuôi Trồng Thủy Sản II; Tạp chí cá cảnh; Internet; những thông tin từ những sách chuyên đề về cá cảnh.

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách tiến hành phỏng vấn trực tiếp 30 cơ sở sản xuất cá cảnh và 40 cửa hàng kinh doanh cá cảnh tại các quận (1, 3, 5, 8, 9, 10, 12, Thủ Đức, Gò Vấp, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình), huyện (Bình Chánh) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo bảng câu hỏi đã soạn sẵn.

Số liệu và thông tin thu thập được trong các phiếu điều tra được tổng hợp, xử lý, phân tích bằng phần mềm Microsoft Office Excel.

KẾT QUẢ THẢO LUẬN

Hiện trạng sản xuất cá cảnh

Hình thức sản xuất

Số liệu điều tra cho thấy tất cả các cơ sở (30 cơ sở) đều có hình thức sản xuất kết hợp sản xuất giống, ương cá giống và nuôi thương phẩm. Tuy nhiên trong đó có 4 cơ sở bên cạnh quá trình sản xuất và ương nuôi các loài cá đẻ con như: cá bảy màu, cá hồng kim, cá bình tích...thì họ chỉ tiến hành ương nuôi một số loài cá như: cá Chép Nhật, cá Tai tượng Phi Châu... mà không thực hiện khâu sản xuất giống.

Đối tượng sản xuất

Kết quả điều tra 30 trại sản xuất giống cho thấy 30 loài cá cảnh được sản xuất giống phổ biến ở TPHCM. Trong đó ghi nhận nhóm đối tượng được sản xuất giống mạnh nhất là: cá Bảy màu, cá Vàng, cá Ông tiên và cá Xiêm. Vì đây là những đối tượng thích nghi rộng với môi trường sống, dễ sản xuất, dễ nuôi và nhu cầu thị trường cao.

Quy mô hoạt động sản xuất

Số cơ sở sản xuất có diện tích nhỏ hơn 100 m² chiếm 13,33%. Hầu hết đây là những cơ sở sản xuất chỉ sản xuất một đối tượng duy nhất (cá Dĩa, cá La Hán, ...), đây là những loài cá có giá trị kinh tế cao và các cơ sở này đã tận dụng phần diện tích có sẵn trong nhà ở để sử dụng cho sản xuất. Số cơ sở có diện tích lớn hơn 1.000 m² chiếm 40%. Những cơ sở này tập trung ở các quận, huyện nằm ngoài thành phố và sản xuất cùng lúc nhiều loài, như trại của Ba Phép sản xuất giống hơn 20 loài (quận 9), trại Nguyễn Minh Hiền 7 loài (quận 12), trại Nguyễn Văn Nam trên 10 loài (quận 12) và trại Nguyễn Văn Tư 8 loài (quận 12).

Bảng 3.1 Diện tích hoạt động ở cơ sở sản xuất

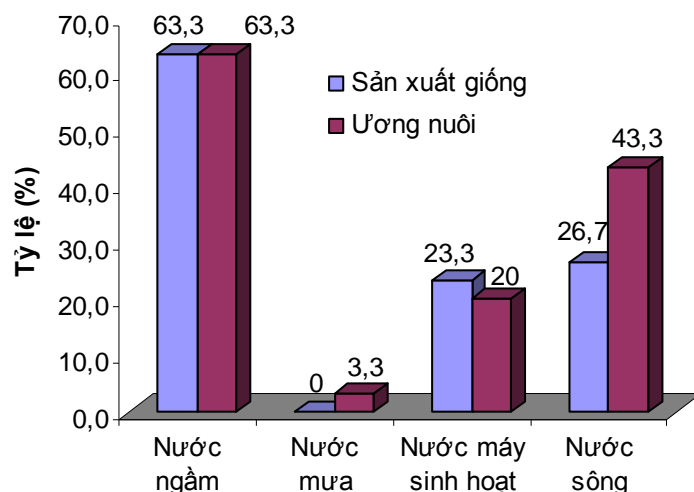
Diện tích	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)
<100	4	13,3
100 – 1000	14	46,7
>1000	12	40

Nguồn nước sử dụng cho sản xuất giống

Nguồn nước sử dụng cho sản xuất rất đa dạng, nhưng chiếm tỷ lệ cao nhất vẫn là nguồn nước ngầm chiếm 63,3%, vì đây là nguồn nước ít bị ô nhiễm, chi phí thấp, ít bị phụ

thuộc vào điều kiện môi trường và cũng ít mang dịch bệnh. Kế tiếp là nước sông với tỷ lệ khá cao (đồ thị 3.1). Những hộ sử dụng nước sông thường là những hộ nằm ngoài thành phố, tập trung gần những nhánh sông của hạ lưu sông Đồng Nai và nhánh sông Sài Gòn. Tuy nhiên qua điều tra, hơn phân nửa số cơ sở sản xuất sử dụng nước sông cho rằng nguồn nước sông hiện nay đang bị ô nhiễm khá trầm trọng, cá hay bị bệnh và bị chết.

Tỷ lệ sử dụng nước máy và nước mưa chiếm tỷ lệ khá thấp (đồ thị 3.1). Vì sử dụng nước mưa sẽ không chủ động, phụ thuộc nhiều vào điều kiện khí hậu và mùa vụ, trong khi cá cảnh được sản xuất quanh năm; sử dụng nước máy tốn khoảng chi phí rất cao và nước máy phần lớn được sử dụng để sản xuất giống và ương nuôi những loài cá có giá trị kinh tế cao như cá Dĩa, cá La Hán...



Đồ thị 3.1 Nguồn nước được dùng trong sản xuất giống cá cảnh

Thức ăn và quản lý dịch bệnh

Tùy thuộc vào đặc tính dinh dưỡng của từng loài cá mà có loại thức ăn phù hợp. Giai đoạn cá bột đến cá giống thường là bo bo, trùn chỉ, loăng quăng, ... giai đoạn lớn thường là cá con, trùn chỉ, thức ăn viên, thức ăn chế biến hay tim bò. Mặc dù giá trùn chỉ tăng cao trong thời gian gần đây nhưng nó vẫn là nguồn thức ăn phổ biến được sử dụng trong sản xuất giống. Ngoài trùn chỉ ra, tim bò cũng là loại thức ăn đang được chủ cơ sở sản xuất những loài cá có giá trị kinh tế (cá Dĩa) quan tâm.

Bảng 3.2 Thức ăn dùng trong sản xuất giống

Loại thức ăn	Thức ăn cho cá bố mẹ	Tỷ lệ (%)	Thức ăn dùng ương nuôi	Tỷ lệ (%)
Thức ăn viên	14	46,7	17	56,7
Thức ăn chế biến	7	23,3	6	20
Bo bo	0	0	27	90
Loăng quăng	1	3,3	17	56,7
Trùn chỉ	23	76,7	28	93,3
Cá con	5	16,7	3	10
Tép con	3	10	2	6,7
Tim bò	4	13,3	4	13,3
Khác	1	3,3	1	3,3

Dịch bệnh là một trong những khó khăn của quá trình sản xuất cá cảnh. Vì khi dịch bệnh phát sinh, nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tỉ lệ sống, độ đồng đều, đặc biệt làm cho màu sắc cá nhạt nhạt dần, đến mất màu, làm môi trường nước thay đổi. Trong quá trình sản xuất và ương nuôi, tại các cơ sở hay gặp phải những bệnh trên cá: bệnh đốm trắng, bệnh về nấm, bệnh về mang, bệnh đường ruột... (Bảng 3.3). Với những bệnh trên, chủ cơ sở xử lý bằng cách dùng thuốc chiếm 80%, tắm muối chiếm 50% và thay nước chiếm 66.67 %.

Bảng 3.3 Bệnh thường gặp ở cá

Bệnh	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)
Đốm trắng	9	30
Nấm mốc	23	76,7
Về mang	9	30
Đường ruột	9	30
Thối, rách vây	5	16,7
Khác	13	43,3

Hiện trạng kinh doanh cá cảnh

Cơ sở vật chất của cửa hàng kinh doanh cá cảnh

Hầu hết các cửa hàng kinh doanh có diện tích nhỏ hẹp nhưng lại kinh doanh đa dạng các loài cá, các vật tư thiết kế, trang trí hồ cá, phục vụ nuôi cá, vì thế việc sử dụng bể kính là hợp lý nhất, các bể kính được sắp xếp trên kệ nhằm tiết kiệm diện tích. Ngoài bể kính, tại một số cửa hàng sử dụng một số thiết bị như thau nhựa, xô, khay nhựa để chứa nước thay nước, hay dùng đựng thức ăn tự nhiên. Tại các cửa hàng bán sỉ trên đường Luru Xuân Tín quận 5, chúng được sử dụng trữ cá và dùng trong lúc tuyển lựa cá.

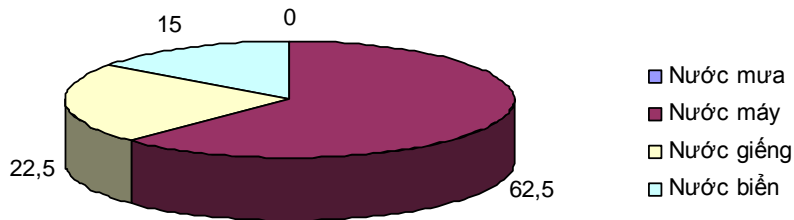
Bảng 3.4 Dụng cụ trữ cá ở cửa hàng kinh doanh

Kích thước Bể kính	Số cửa hàng	Tỷ lệ (%)	Thiết bị Khác	Số cửa hàng	Tỷ lệ (%)
40 x 25 x 25	11	27,5	Bể xi măng	2	5
60 x 30 x 30	14	35	Khay nhựa	13	32,5
80 x 40 x 40	20	50	Thau nhựa	23	57,5
100 x 40 x 45	20	50	Xô	23	57,5
120 x 45 x 45	12	30			
200 x 50 x 50	22	55			
Kích thước khác	2	5			

Trong quá trình trữ cá ở cửa hàng, để đảm bảo chất lượng nước, kéo dài thời gian thay nước và hạn chế dịch bệnh, thì nước được sử dụng tại cửa hàng kinh doanh sẽ được xử lý bằng cách lọc nước (38/40 cửa hàng). Hình thức lọc phổ biến nhất ở các cửa hàng là lọc cơ học. Tuy nhiên, có 2/40 cửa hàng không sử dụng biện pháp lọc nước, vì các cửa hàng này lấy cá với số lượng ít, bán trong ngày, hạn chế trữ cá lại nhiều ngày.

Nếu sản xuất giống và ương nuôi sử dụng nguồn nước sông là chủ yếu, thì ở các cửa hàng kinh doanh nước máy là nguồn nước được sử dụng nhiều nhất chiếm tỷ lệ 62,5%. Vì hầu hết các cửa hàng kinh doanh nằm trong trung tâm thành phố, nơi tập trung đông dân cư, việc sử dụng nước máy sẽ tiện lợi hơn các loại nước khác.

Số lượng cửa hàng sử dụng nước giếng chiếm 22,5 %. Tại các cửa hàng này có riêng một bể lớn chứa nước, nước bơm lên sẽ được lắng 24h hoặc nước được bơm trực tiếp lên bể lắng hay bể lọc cơ học trước khi cho vào bể chứa cá. Trong 40 cửa hàng, có 6 cửa hàng sử dụng nguồn nước biển lấy từ Vũng Tàu và Cần Giờ.



Đồ thị 3.2 Tỷ lệ các nguồn nước được sử dụng ở cửa hàng kinh doanh

Đối tượng kinh doanh

Trong 40 hộ kinh doanh chúng tôi điều tra, có 6 hộ chỉ kinh doanh cá cảnh biển và 1 hộ kinh doanh song song cá cảnh biển và cá cảnh nước ngọt. Vì quá trình điều tra của chúng tôi là hoàn toàn ngẫu nhiên và do nguồn hàng cung cấp lại phụ thuộc vào tính chất mùa vụ, nên số lượng các loài cá cảnh biển mà chúng tôi điều tra được chỉ có 22 loài cá so với 70 loài cá từ nghiên cứu của Bùi Thế Bình (2008).

Bảng 3.5 Danh sách các loài cá cảnh biển được bán ở TP. HCM

Tên cá	Số cửa hàng	Tỷ lệ (%)
Cá nóc	6	85,7
Cá khoang cổ đỏ	4	57,1
Cá khoang cổ hồng	4	57,1
Cá khoang cổ hồng sọc trắng	4	57,1
Cá khoang cổ sọc trắng	1	14,3
Cá khoang cổ hề	4	57,1
Cá ngựa đen	2	28,6
Cá hoàng đế	2	28,6
Cá chim xanh	1	14,3
C kềm sọc	1	14,3
Cá rô đá	2	28,6
Cá thia hồng	3	42,9
Cá mó lửa	3	42,9
Cá mó xanh	6	85,7
Cá sơn đá	2	28,6
Cá bò bông bi	3	42,9
Cá mao tiên vây liền	2	28,6
Cá mao tiên vây rời	6	85,7
Cá nâu	3	42,9
Cá hoàng gia đuôi gai	2	28,6
Cá cờ	1	14,3
Cá bóng sọc	2	28,6

Tên cá	Số cửa hàng	Tỷ lệ (%)
Tôm bác sĩ	2	28,6
Ốc biển các loại	5	71,4
San hô	3	42,9
Sao biển	2	28,6
Hải quỳ	7	100

Tương tự kết quả nghiên cứu của Ngô Ngọc Thùy Trang (2010), cá cảnh nước ngọt được kinh doanh khá phong phú, đa dạng về màu sắc và chủng loài cá. Sự có mặt của cá La Hán ở các cửa hàng đã giảm mạnh, thay vào đó là cá Rồng hay những loài cá tương đối rẻ tiền và dễ nuôi. Tuy nhiên qua 34/40 cửa hàng kinh doanh cá cảnh nước ngọt, chúng tôi điều tra được 53/75 loài của Nguyễn Văn Chinh và ctv (2010), trong đó các loài cá được ưa chuộng và được bày bán nhiều nhất ở các cửa hàng vẫn là cá Vàng; Chép Nhật, Cá ông tiên, Bảy màu, Tứ vân....

Bảng 3.6 Danh sách các loài cá cảnh nước ngọt được bán ở TP.HCM

Tên cá	Tần số xuất hiện	Tỷ lệ (%)
Vàng các loại	31	91,2
Chép Nhật	30	88,2
Ông tiên	30	88,2
Bảy màu	30	88,2
Tứ vân	29	85,3
Xiêm	26	76,5
Trân châu	26	76,5
Cánh bướm	26	76,5
Ngân long	25	73,5
Bình tích các loại	24	70,6
Hỏa tiên	23	67,7
Sọc ngựa	23	67,7
Hồng kết	23	67,7
Tỳ bà	21	61,8
Phượng hoàng	21	61,8
Đĩa	20	58,8
Sặc các loại	20	58,8
Neon	19	55,9
Hồng kim	18	52,9
Tai tượng Phi Châu	18	52,9
La hán	15	44,1
Mập nước Ngọt	14	41,2
Phát tài	14	41,2
Sáu họa tiên	13	38,2
Da báo mở vệt	13	38,2
Ali	13	38,2

Tên cá	Tần số xuất hiện	Tỷ lệ (%)
Hồng vĩ mỏ vịt	12	35,3
Nàng hai	10	29,4
Hồng nhung	10	29,4
Chim dơi 4 sọc	9	26,5
Cá vệ sinh	9	26,5
Quan đao	9	26,5
Mắt ngọc	9	26,5
Tứ vân vàng	8	23,5
Nóc	8	23,5
Hắc long	7	20,6
Chuột thái	7	20,6
Hồng mi	7	20,6
Mũi đỏ	6	17,7
Trường giang hồ	6	17,7
Hòa lan	6	17,7
Tra yêu	5	14,7
Hồng long	4	11,8
Cao xạ	3	8,8
Lông gà	2	5,9
Cá thủy tinh	2	5,9
Rambo	2	5,9
Đuôi lửa	2	5,9
Bút chì	2	5,9
Tam giác	1	2,9
Hắc kỳ	1	2,9
Khùng long	1	2,9
Thái hồ	1	2,9

Nguồn hàng thu mua

Cá cảnh nước ngọt, thức ăn, thuốc và vật trang trí bể cá được cửa hàng lấy ở chợ cá đường Lưu Xuân Tín (quận 5) chiếm 72,5%, ngoài ra số cửa hàng này còn lấy cá từ các thương lái hay các trại cá; 15% số cửa hàng lấy cá từ Nha Trang, Vũng Tàu, Cần Giờ, Phú Quốc, và một số tỉnh miền Trung; số cửa hàng chỉ lấy cá từ các trại cá ở quận 8, quận 9, quận 12, quận Giò Váp, huyện Bình Chánh, các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long chiếm 12,5% tổng số cửa hàng khảo sát được. Ngày nay, nguồn hàng cung cấp cho các cửa hàng tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, với những cửa hàng kinh doanh cá cảnh biên thì nguồn hàng lấy vào đang gặp khó khăn, không đủ cung cấp cho thị trường.

Hiện trạng tiêu thụ

Thị trường tiêu thụ cá cảnh của các cơ sở sản xuất giống và kinh doanh là TPHCM và các tỉnh lân cận. Những cơ sở có thị trường tiêu thụ trong và ngoài thành phố thường là những cơ sở có qui mô hoạt động hay sản lượng cá khá lớn, hoặc là những cơ sở có loài cá có giá trị

kinh tế cao như cá Dĩa, cá La Hán... Tuy nhiên trong đó có 1 số cơ sở sản xuất cá cảnh chuyên thu gom cá từ các cơ sở khác để đóng thùng xuất khẩu và phát triển qua mạng kinh doanh, nhưng thị trường chính của các cơ sở vẫn là trong thành phố, một số ít bán ra các tỉnh miền Trung, miền Bắc và xuất khẩu.

Lợi nhuận của hoạt động sản xuất và kinh doanh cá cảnh

Số lượng cửa hàng kinh doanh và các cơ sở sản xuất đều cho rằng lợi nhuận thấp hơn so với các năm trước chiếm một tỷ lệ cao (Bảng 3.7). Đối với các cơ sở sản xuất giống lý do được đưa ra là vì vật giá ngày càng tăng, thức ăn cho cá ngày càng hiếm và giá lại tăng cao, trong khi đó giá tiền con cá bán ra thị trường thì không thay đổi, chưa kể những lúc số lượng cá đưa ra thị trường khá nhiều, tiêu thụ không kịp nên chủ cơ sở đã bị ép giá. Tại các cửa hàng thì có lẽ vì số lượng cửa hàng mới mọc lên ngày càng nhiều nên sự cạnh tranh giữa các cửa hàng thêm gay gắt. Ngoài ra, lượng khách hàng sụt giảm do khủng hoảng kinh tế, giá thuê mặt bằng kinh doanh tăng cao... cũng là nguyên nhân làm cho lợi nhuận của các cửa hàng kinh doanh giảm so với những năm trước đây.

Bảng 3.7 Lợi nhuận so với các năm trước

Lợi nhuận	Kinh doanh	Tỷ lệ (%)	Sản xuất	Tỷ lệ (%)
Cao	10	25	5	16.7
Bằng	14	35	6	20
Thấp	16	40	19	63.3

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Thế Bình, 2008. *Tìm hiểu hiện trạng kinh doanh cá cảnh biển tại thành phố Hồ Chí Minh và kỹ thuật trữ cá cảnh biển*. Luận văn tốt nghiệp khoa Thủy sản, Đại học Nông Lâm TP.HCM.

Nguyễn Văn Chinh, Quách Trần Bảo Long, Nguyễn Minh Đức, 2010. *Hiện trạng kinh doanh và nuôi giải trí cá cảnh nước ngọt tại TP.HCM*. Báo cáo hội thảo “Vai trò của cá cảnh đối với người nuôi giải trí và người sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh”, Đại học Nông Lâm TPHCM, 31/12/2010.

Ngô Ngọc Thùy Trang, 2010. *Quy mô hoạt động kinh doanh và tiếp thị ở một số cửa hàng cá cảnh tại thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn tốt nghiệp khoa Thủy sản, Đại học Nông Lâm TP.HCM.

Chi cục quản lý chất lượng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, 2008. *Điều tra hiện trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển nghề sản xuất và kinh doanh cá cảnh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với tốc độ phát triển của đô thị*. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh.